



FRONT

BACK

TOPBiHiKu7

Công nghệ TOPCon hai mặt loại N

695 W ~ 725 W

CS7N-695 | 700 | 705 | 710 | 715 | 720 | 725TB-AG

NHIỀU NĂNG LƯỢNG HƠN

-  Công suất mô-đun lên đến 725 W
Hiệu suất mô-đun lên đến 23,3%
-  Tỷ lệ hai mặt lên đến 85%, tạo thêm công suất từ mặt sau
-  Hiệu suất chống suy giảm LeTID và PID vượt trội.
Mức suy giảm công suất thấp, sản lượng điện cao
-  Hệ số nhiệt độ (Pmax) thấp hơn: -0,29%/°C, giúp tăng sản lượng điện trong điều kiện khí hậu nóng
-  Giảm chi phí điện năng (LCOE) và chi phí hệ thống

MORE RELIABLE

-  Được kiểm tra với viên đá có đường kính lên đến 35 mm theo tiêu chuẩn IEC 61215
-  Giảm thiểu tác động của các vết nứt vi mô
-  Chịu tải tuyết dày lên đến 5400 Pa, tải gió lên đến 2400 Pa*

12
Năm

Bảo hành sản phẩm năng cao về vật liệu và tay nghề*

30
Năm

Bảo hành hiệu suất công suất tuyến tính*

Suy giảm công suất năm đầu không quá 1%

Suy giảm công suất hằng năm các năm sau không quá 0,4%

*Theo tuyên bố bảo hành hiện hành của Canadian Solar.

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ*

ISO 9001:2015 / Hệ thống quản lý chất lượng

ISO 14001:2015 / Tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường

ISO 45001:2018 / Tiêu chuẩn quốc tế về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

IEC 62941:2019 / Hệ thống quản lý chất lượng sản xuất mô-đun quang điện

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM*

IEC 61215 / IEC 61730 / CE / MCS / UKCA / CGC

Được liệt kê trong CEC (Mỹ - California) / FSEC (Mỹ - Florida)

UL 61730 / IEC 61701 / IEC 62716

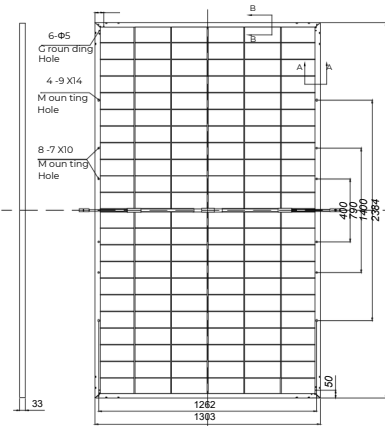
UNI 9177 – Phản ứng với lửa: Cấp 1 / Take-e-way



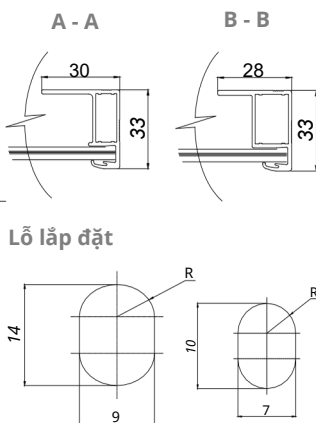
Các chứng nhận cụ thể áp dụng cho từng loại mô-đun và thị trường có thể khác nhau, do đó không phải tất cả các chứng nhận liệt kê ở đây đều đồng thời áp dụng cho sản phẩm bạn đặt hàng hoặc sử dụng. Vui lòng liên hệ với đại diện kinh doanh của Canadian Solar tại địa phương để xác nhận các chứng nhận cụ thể áp dụng cho sản phẩm của bạn và có hiệu lực tại khu vực sử dụng.

CSI Solar Co., Ltd. cam kết cung cấp các mô-đun quang điện mặt trời, giải pháp năng lượng mặt trời và lưu trữ pin chất lượng cao cho khách hàng. Công ty được vinh danh là nhà cung cấp mô-đun số 1 về chất lượng và tỷ lệ hiệu suất/giá trong khảo sát IHS Module Customer Insight. Trong suốt 23 năm qua, công ty đã cung cấp thành công hơn 150 GW mô-đun năng lượng mặt trời cao cấp trên toàn thế giới.

Mắt sau



Mặt cắt khung



DỮ LIỆU ĐIỆN | STC

	Công suất cực đại (Pmax)	Điện áp hoạt động tối ưu (Vmp)	Dòng điện hoạt động tối ưu (Imp)	Điện áp hở mạch (Voc)	Dòng ngắn mạch (Isc)	Module
CS7N-695TB-AG	695 W	39.8 V	17.47 A	47.7 V	18.44 A	22.4%
5%	730 W	39.8 V	18.34 A	47.7 V	19.36 A	23.5%
Bifacial 10%	765 W	39.8 V	19.22 A	47.7 V	20.28 A	24.6%
Gain** 20%	834 W	39.8 V	20.96 A	47.7 V	22.13 A	26.8%
CS7N-700TB-AG	700 W	40.0 V	17.51 A	47.9 V	18.49 A	22.5%
5%	735 W	40.0 V	18.39 A	47.9 V	19.41 A	23.7%
Bifacial 10%	770 W	40.0 V	19.26 A	47.9 V	20.34 A	24.8%
Gain** 20%	840 W	40.0 V	21.01 A	47.9 V	22.19 A	27.0%
CS7N-705TB-AG	705 W	40.2 V	17.55 A	48.1 V	18.54 A	22.7%
5%	740 W	40.2 V	18.43 A	48.1 V	19.47 A	23.8%
Bifacial 10%	776 W	40.2 V	19.31 A	48.1 V	20.39 A	25.0%
Gain** 20%	846 W	40.2 V	21.06 A	48.1 V	22.25 A	27.2%
CS7N-710TB-AG	710 W	40.4 V	17.59 A	48.3 V	18.59 A	22.9%
5%	746 W	40.4 V	18.47 A	48.3 V	19.52 A	24.0%
Bifacial 10%	781 W	40.4 V	19.35 A	48.3 V	20.45 A	25.1%
Gain** 20%	852 W	40.4 V	21.11 A	48.3 V	22.31 A	27.4%
CS7N-715TB-AG	715 W	40.6 V	17.63 A	48.5 V	18.64 A	23.0%
5%	751 W	40.6 V	18.51 A	48.5 V	19.57 A	24.2%
Bifacial 10%	787 W	40.6 V	19.39 A	48.5 V	20.50 A	25.3%
Gain** 20%	858 W	40.6 V	21.16 A	48.5 V	22.37 A	27.6%
CS7N-720TB-AG	720 W	40.8 V	17.67 A	48.7 V	18.69 A	23.2%
5%	756 W	40.8 V	18.55 A	48.7 V	19.62 A	24.3%
Bifacial 10%	792 W	40.8 V	19.44 A	48.7 V	20.56 A	25.5%
Gain** 20%	864 W	40.8 V	21.20 A	48.7 V	22.43 A	27.8%
CS7N-725TB-AG	725 W	41.0 V	17.71 A	48.9 V	18.74 A	23.3%
5%	761 W	41.0 V	18.60 A	48.9 V	19.68 A	24.5%
Bifacial 10%	798 W	41.0 V	19.48 A	48.9 V	20.61 A	25.7%
Gain** 20%	870 W	41.0 V	21.25 A	48.9 V	22.49 A	28.0%

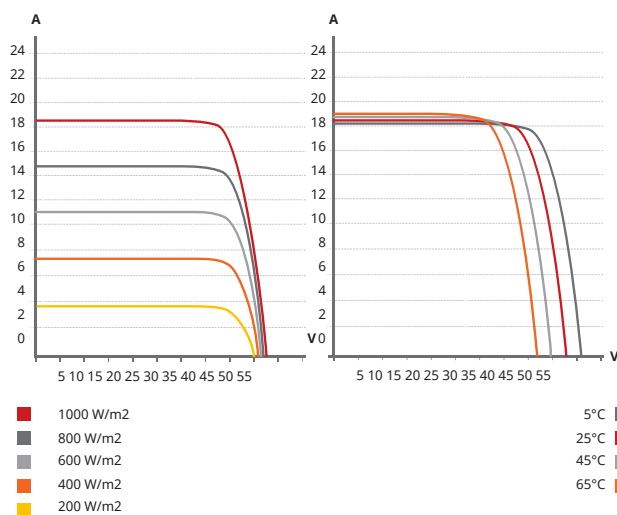
DỮ LIỆU ĐIÊN

Nhiệt độ hoạt động	-40°C ~ +85°C
Điện áp hệ thống tối đa	1500 V (IEC/UL)
Hiệu suất chống cháy của mô-đun	TYPE 29 (UL 61730) or CLASS C (IEC61730)
Giá trị cầu chì nối tiếp tối đa	35 A
Cấp bảo vệ	Class II
Dung sai công suất	0 ~ + 10 W
Tỷ lệ hai mặt	80 %

Trong điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn (STC) với bức xạ 1000 W/m², phổ AM 1.5 và nhiệt độ tế bào 25°C.

Tăng công suất hai mặt (Bifacial Gain): Là phần công suất tăng thêm từ mặt sau so với công suất mặt trước trong điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn. Mức tăng này phụ thuộc vào cấu trúc lắp đặt (khung, độ cao, góc nghiêng, v.v.) và độ phản xạ của bề mặt đất.

CS7N-695TB-AG / ĐƯỜNG CONG I-V



DỮ LIỆU ĐIỆN | NMOT*

	Công suất cực đại danh định (Pmax)	Điện áp hoạt động tối ưu (Vmp)	Dòng điện hoạt động tối ưu (Imp)	Điện áp hở mạch (Voc)	Dòng ngắn mạch (Isc)
CS7N-695TB-AG	526 W	37.6 V	13.97 A	45.2 V	14.87 A
CS7N-700TB-AG	529 W	37.8 V	14.00 A	45.4 V	14.91 A
CS7N-705TB-AG	533 W	38.0 V	14.03 A	45.5 V	14.95 A
CS7N-710TB-AG	537 W	38.2 V	14.06 A	45.7 V	14.99 A
CS7N-715TB-AG	541 W	38.4 V	14.09 A	45.9 V	15.03 A
CS7N-720TB-AG	544 W	38.6 V	14.12 A	46.1 V	15.07 A
CS7N-725TB-AG	548 W	38.8 V	14.15 A	46.3 V	15.11 A

Trong điều kiện Nhiệt độ Hoạt động Danh định của Mô-đun (NMOT), bức xạ 800 W/m^2 , phổ AM 1.5, nhiệt độ môi trường 20°C , tốc độ gió 1 m/s .

DỮ LIỆU CƠ HỌC

Thông số kỹ thuật	Dữ liệu
Loại tế bào	Tế bào TOPCon
Cấu trúc tế bào	132 [2 x (11 x 6)]
Kích thước	2384 x 1303 x 33 mm (93.9 x 51.3 x 1.30 in)
Khối lượng	37,8 kg (83,3 lbs)
Kính trước	Kính cường lực dày 2,0 mm có lớp phủ chống phản xạ
Kính sau	Kính cường lực dày 2,0 mm
Khung	Hợp kim nhôm anốt hóa
Hộp nối (J-Box)	IP68, 3 đi-ốt bypass
Cáp	4,0 mm² (IEC), 12 AWG (UL) 360 mm (14,2 in) (+) / 200 mm (7,9 in) (-) hoặc (Bao gồm đầu nối) chiều dài tùy chỉnh*
Chiều dài cáp	
Đầu nối	T6 hoặc MC4-EVO2 hoặc MC4-EVO2A 33 tấm Mỗi container (40' HQ): 594 tấm hoặc 495 tấm
Số lượng mỗi pallet	(chỉ dành cho Mỹ và Canada)

ĐẶC TÍNH NHIỆT ĐỘ

Hệ số nhiệt độ của công suất cực đại	-0.29 % / °C
Hệ số nhiệt độ của điện áp hở mạch	-0.25 % / °C
Hệ số nhiệt độ của dòng ngắn mạch	0.05 % / °C
Nhiệt độ hoạt động danh định của mô-đun	41 ± 3°C

Công suất hai mặt (Power Bifaciality) = P_{max} phía sau / P_{max} phía trước, cả hai giá trị P_{max} phía sau và phía trước đều được kiểm tra theo tiêu chuẩn STC. Dung sai: $\pm 5\%$.

Các thông số kỹ thuật và tính năng chính trong bảng dữ liệu này có thể hơi khác so với sản phẩm thực tế do quá trình đổi mới và cải tiến sản phẩm liên tục. Công ty CSI Solar Co., Ltd. có quyền điều chỉnh các thông tin được mô tả trong tài liệu này bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.

Xin lưu ý rằng các mô-đun quang điện (PV) phải được xử lý và lắp đặt bởi những người có trình độ chuyên môn, và vui lòng đọc kỹ hướng dẫn an toàn cũng như hướng dẫn lắp đặt trước khi sử dụng mô-đun PV của chúng tôi.